

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2024/DS-ST
Ngày 20/5/2024
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Mẫn

Ông Nguyễn Chí Bền

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phụng là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 259/2023/TLST– DS, ngày 16 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “*Hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2024/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1981; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Đặng Thị P - sinh năm: 1976; ông Nguyễn Văn H– sinh năm: 1973; Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/3/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 25/12/2020 bà Đặng Thị P và ông Nguyễn Văn H có hỏi vay của bà số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 4%/tháng, bà P, ông H có đóng lãi cho bà được hai lần thì không đóng nữa. Hai bên không thỏa thuận thời hạn trả gốc. Trong thời gian này bà có tham gia chơi 03 chân hụi do bà P làm chủ hụi, ba chân hụi còn sống

đang đóng thì bà P tuyên bố bế hội, hai bên có kết toán với nhau số tiền hội bà P— ông H còn thiếu của bà là: 135.000.000 đồng, rồi bà P bỏ địa phương đi nơi khác làm ăn. Bà có điện thoại cho bà P thì hứa sẽ thanh toán số tiền trên cho bà nhưng đến nay vẫn chưa trả. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà Đặng Thị P và ông Nguyễn Văn H trả cho bà số tiền vay 20.000.000 đồng, tiền hội 135.000.000 đồng. Tổng cộng 155.000.000 đồng (một trăm năm mươi lăm triệu đồng) không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 12/3/2024 bà Đặng Thị P trình bày: Bà thừa nhận có làm chủ hội và bà Nguyễn Thị T có tham gia chơi 03 chân hội, khi hội bị bế thì các thành viên không đóng nên bà mất khả năng thanh toán, giữa bà và bà T có kết toán với nhau số tiền hội bà còn thiếu của bà T là 35.000.000 đồng. Ngoài ra, bà có vay của bà T số tiền 20.000.000 đồng. Tổng cộng tiền hội, tiền vay còn thiếu của bà T là: 155.000.000 đồng, do điều kiện gặp khó khăn, bà xin được trả dần số tiền trên mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Tại bản tự khai ngày 7/3/2024 ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông và bà P đã ly hôn vào năm 2023. Thời gian trước khi ly hôn bà P có làm chủ hội, ông khuyên nhiều lần nghỉ chơi hội nhưng bà P không nghe, nay hội đã bế, các hội viên không đóng nên mất khả năng thanh toán, bà T khởi kiện số tiền trên buộc ông liên đới cùng với bà P trả. Mặc dù, ông và bà P đã ly hôn, tài sản chung giữa ông và bà P chưa giải quyết xong, ông và bà P sẽ có trách nhiệm trả cho bà T số tiền trên và trả dần cho đến khi dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bà Đặng Thị P ông Nguyễn Văn H liên đới trả cho bà số tiền vay 20.000.000 đồng, tiền hội 135.000.000 đồng, tổng cộng 155.000.000 đồng. Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa hai bên đã thống nhất với nhau về số tiền bà P, ông H thiếu nợ của bà T. Bà T đã nhiều lần yêu cầu bà P, ông H trả số tiền trên nhưng chỉ hứa mà không trả. Việc bà P, ông H không trả cho bà T là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, bà Nguyễn Thị T khởi kiện đối với bà Đặng Thị P, ông Nguyễn Văn H là hoàn toàn có căn cứ. Tại phiên tòa hôm nay bà P, ông H chỉ đồng ý trả cho bà T mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi dứt nợ, cách thức trả trên của bà P và ông H không được bà Nguyễn Thị T đồng ý. Cho nên, áp dụng khoản 4 Điều 11, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015: Buộc bà P, ông H liên đới trả

cho bà Nguyễn Thị T số tiền 155.00.000 đồng (một trăm năm mươi lăm triệu đồng) là hoàn toàn phù hợp.

{2.2} Về lãi suất: Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị T không yêu cầu tính lãi cho nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Yêu cầu của bà Nguyễn Thị T được chấp nhận nên không phải chịu án phí, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Bà Đặng Thị P và ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí giá ngạch cụ thể như sau:

Số tiền 155.000.000 đồng x 5% = 7.750.000 đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 11, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Đặng Thị P và ông Nguyễn Văn H.

2. Buộc bà Đặng Thị P và ông Nguyễn Văn H liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 155.000.000 đồng (một trăm năm mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu của bà Nguyễn Thị T được chấp nhận, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho bà T số tiền 3.900.000 đồng theo biên lai thu tiền số 2138, ngày 09/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Bà Đặng Thị P và ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí có giá ngạch là: 7.750.000 đồng (bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án 20/5/2024.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh
- VKSND huyện
- Thi hành án huyện
- UBND xã, thị
- Các đương sự
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Chuyên